

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: KDC Tường, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số nhà C, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh Vũ Hữu T1, sinh năm 1996, địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Tường, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

Chị T, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Lê Thị T trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị và anh Vũ Hữu T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà

chồng, đến tháng 3/2017, chị và anh T1 cùng sang Đài Loan làm việc và gửi con ông bà nội nuôi dưỡng. Vợ chồng làm việc ở Đài Loan được 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về vấn đề kinh tế. Để níu kéo tình cảm vợ chồng, tháng 7/2019, vợ chồng cùng về Việt Nam thăm gia đình và con nhỏ. Sau đó, anh T1 và chị lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc nhưng do mỗi người làm việc một công ty khác nhau, vợ chồng xa cách, không có thời gian gặp gỡ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 4/2022, chị về Việt Nam sinh sống nhưng không về nhà anh T1 mà cùng con nhỏ chuyển lên Hà Nội làm việc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- *Về con chung*: Chị và anh T1 có 01 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 19/6/2015, hiện cháu Ngọc A đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Hiện nay, chị thu nhập hàng tháng từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng nên đủ điều kiện để chăm sóc con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan nên Tòa án đã xác minh qua gia đình anh T1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh T1. Ông Vũ Hữu H là bố đẻ của anh T1 trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và T1 như chị Thủy trình bày là đúng. Hiện nay, anh T1 đang làm việc tại Đài Loan, sau khi nhận được thông báo thụ lý và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo cho anh T1 biết về việc chị T có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Quan điểm của anh T1 nhất trí ly hôn và đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc A, sinh ngày 19/6/2015 đến khi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tiến nhất trí. Anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh T1 đang đi làm xa nên anh Tiến xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa, các văn bản Tòa án gửi cho anh T1 đề nghị gửi cho ông và ông sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T1.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* *Đại diện Viếng sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Hữu T1; Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc A, sinh ngày 19/6/2015 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Vũ Hữu T1. Anh T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh T1 không cung cấp được. Ông Hưng b đẻ anh T1 xác định anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông đã thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn, anh T1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vũ Hữu T1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng cùng sang Đài Loan lao động và phát sinh mâu thuẫn. Tháng 4/2022, chị T về nước nhưng không về nhà anh T1 sinh sống mà chuyển lên thành phố Hà Nội làm việc, còn anh T1 tiếp tục ở lại Đài Loan làm việc. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và

có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh T1 có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Thủy và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 19/6/2015. Hiện cháu Ngọc A đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 đóng góp tiền nuôi con chung, cháu Ngọc A có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T1 cũng nhất trí. Xét thấy anh T1 hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Thủy có thu nhập ổn định nên đảm bảo về mọi mặt cho con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Vũ Ngọc A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Hữu T1.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc A, sinh ngày 19/6/2015, thời gian từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003903 ngày 03/02/2023 (chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, TP. Chí Linh

(để ghi vào sổ hộ tịch);

- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

